Bai 3

Câu 17: Kéo thả các thuộc tính của thẻ <**form**> và các thành phần điều khiển trong **form** dưới đây vào cột phù hợp với mô tả:

Action **type** **placeholder** **name** **method**

1) Thuộc tính của thẻ:	2) Thuộc tính của các thành phần trong form:

Câu 18: Kéo thả thuộc tính đúng vào mục đích sử dụng trong thẻ <**form**>:

action name method

Định nghĩa URL xử lý dữ liệu:	action
Chỉ định phương thức gửi dữ liệu:	method
Đặt tên định danh cho form:	name

Câu 19: Kéo thả tên các **control** tương ứng vào mô tả sau:

File Checkbox Texbox Radio

Trường nhập tên:	Texbox
Trường chọn giới tính Nam / Nữ:	Radio
Chọn các sở thích Đọc sách, Nghe nhạc:	checkbox
Trường chọn ảnh đại diện:	File

Câu 20: Kéo thả vào chỗ trống để hoàn thiện đoạn mã HTML cho một biểu mẫu cơ bản thu thập tên và email người dùng, sau đó gửi dữ liệu đến **submit.php** bằng phương thức **POST**.

```
<_____(1)_____ action="submit.php" method="_____(2)_____">
    <label for="name">Tên:</label>
    <input type="text" id="name" name="_____(3)_____"><br><br>
    <label for="email">Email:</label>
    <input type="email" id="email" name="_____(4)_____"><br><br>
<_____(5)_____ type="submit" value="Gửi">
</form>
```

Form **post** **name** **input** **email**

Vị trí (1):	
Vị trí (2):	
Vị trí (3):	
Vị trí (4):	
Vị trí (5):	

LIVEWORKSHEETS

Bai 4

Câu 4: Kéo thả thuật ngữ CSS vào mô tả phù hợp dưới đây:

Property Value Selector

Giá trị của thuộc tính, ví dụ: red, 16px,...	
Tên thuộc tính trình bày như color, font-size,...	
Chỉ định phần tử HTML mà CSS sẽ áp dụng	

Câu 15: Kéo thả các thuộc tính CSS vào vị trí thích hợp trong đoạn mã sau để hoàn chỉnh đoạn định dạng phần tử <body>:

```
<style>
    body {
        _____(1)_____: 80px;      /* Căn lề phía trên của phần tử body là 80px */
        _____(2)_____: 40px;  /* Căn lề phía dưới của phần tử body là 40px */
        _____(3)_____: 50px;     /* Căn lề bên trái của phần tử body là 50px */
        _____(4)_____: 30px;   /* Căn lề bên phải của phần tử body là 30px */
        _____(5)_____: 1px dotted #FF0000; /* Viền dày 1px, kiểu chấm, màu đỏ */
    }
</style>
```

Border margin-right margin-left margin-top margin-bottom

Căn lề bên phải của phần tử body là 30px	
Căn lề phía dưới của phần tử body là 40px	
Viền dày 1px, kiểu chấm, màu đỏ	
Căn lề bên trái của phần tử body là 50px	
Căn lề phía trên của phần tử body là 80px	

LIVEWORKSHEETS

Câu 20: Kéo các thuộc tính CSS phù hợp vào các vị trí trống để hoàn thiện đoạn mã sau:

```
<style>
    p {
        _______(1)_______: 200px;            /* Đặt chiều rộng của đoạn văn */
        _______(2)_______: 30px 20px;        /* Thiết lập lề ngoài */
        _______(3)_______: 20px 10px;        /* Thiết lập khoảng cách giữa nội dung và viền */
        _______(4)_______: 1px solid #000;   /* Viền 1px, kiểu liền, màu đen */
        _______(5)_______: justify;          /* Căn đều văn bản hai bên */
    }
</style>
```

;;;;

Margin padding border width text-align

Thiết lập khoảng cách giữa nội dung và viền	
Viền 1px, kiểu liền, màu đen	
Thiết lập lề ngoài	
Căn đều văn bản hai bên	
Đặt chiều rộng của đoạn văn	

Câu 22: Kéo thả các khai báo CSS vào đúng mục đích sử dụng theo mô tả sau:

text-align: center; border: 1px solid black; font-size: 16px; margin: 20px; color: red;

Thay đổi màu chữ văn bản	
Thêm viền cho phần tử	
Căn giữa nội dung theo chiều ngang	
Tạo khoảng cách bên ngoài phần tử	
Thiết lập kích thước chữ	

LIVEWORKSHEETS

Câu 29: Kéo thả các khai báo CSS sau vào các mô tả tương ứng của chúng?

External CSS Internal CSS Inline CSS

CSS viết trong thẻ <style> bên trong file HTML	
CSS viết trong file .css và liên kết từ ngoài	
CSS viết trực tiếp trong thẻ HTML	

Bai5

Câu 4: Kéo thả tên nguyên tắc thiết kế vào mô tả tương ứng

Grid System Whitespace Responsive Design KISS (Keep It Simple, Stupid)

Giao diện tự động thích ứng với kích thước màn hình khác nhau	
Dùng không gian trống để giúp nội dung nổi bật, dễ đọc	
Giữ cho trang web đơn giản, dễ hiểu, không gây rối mắt	
Chia bố cục thành hàng và cột để sắp xếp phần tử hợp lý	

Câu 5: Hãy kéo và thả hành động phù hợp vào từng bước trong quy trình xây dựng bố cục trang web.

Thu thập thông tin Thiết kế đơn giản và gọn gàng

Tạo wireframe Xác định khu vực chính

Giữ cho giao diện rõ ràng, không rối mắt	
Chia trang thành các khu vực chức năng: header, content, footer	
Hiểu rõ mục tiêu, người dùng và nội dung trang web	
Phác thảo sơ đồ bố cục trước khi lập trình	

LIVEWORKSHEETS

Cau bbb Hoàn thành đoạn mã CSS điều khiển hiển thị submenu:

```
.dropdown-menu .sub-menu {
  [1]   /* (1) Ẩn submenu khi trang web được tải lần đầu */
}

.dropdown-menu:hover .sub-menu {
  [2]   /* (2) Hiển thị submenu khi người dùng di chuột vào dropdown-menu */
}
```

opacity: 0 display: block; visibility: hidden display: none;

Lệnh tại vị trí 2:	
Lệnh tại vị trí 1:	

Câu 25: Kéo thả phương pháp điều hướng phù hợp vào từng mục sử dụng.

Slider navigation **Pagination** **Dropdown menu** **Tab navigation**

Trình chiếu ảnh quảng cáo ở đầu trang	
Chia vùng nội dung và chuyển đổi ngay trên cùng một trang	
Chia kết quả tìm kiếm thành nhiều trang có đánh số	
Hiển thị menu con khi di chuột vào mục chính trên header	

Câu 29: Kéo thả thành phần vào vị trí đúng trong bố cục trang web

Header Main Content Sidebar Footer

Phần dưới cùng của trang, chứa thông tin liên hệ, bản quyền	
Phần trên cùng trang, thường chứa logo và menu	
Khu vực bên cạnh nội dung chính, thường chứa liên kết phụ	
Phần nội dung chính hiển thị thông tin chính của trang	

LIVEWORKSHEETS

Câu 18: Ghép class Bootstrap với vai trò tạo bố cục responsive:

col-md-4 **justify-content-between** **col-md-6** **row**

Canh đều khoảng cách giữa các phần tử con	
Cột chiếm 6 phần trên thiết bị trung bình	
Tạo hàng để chứa các cột (col)	

Câu 19: Ghép cặp đúng giữa thuộc tính và công dụng trong thiết kế responsive:

min-height **media query** **flex-wrap** **max-width**

Giới hạn chiều rộng tối đa của phần tử	
Tùy chỉnh style theo điều kiện thiết bị	
Cho phép phần tử con xuống dòng khi không đủ chỗ	

Câu 20: Ghép thành phần Bootstrap với công dụng tương ứng:

.list-group **.input** **.form-control** **.btn**

Tạo nút có style theo chủ đề Bootstrap	
Tạo danh sách được format sẵn	
Tạo loạt điều khiển input đồng nhất, đẹp	

LIVEWORKSHEETS

Câu 21: Ghép các class Bootstrap với mục đích sử dụng:

btn-primary **text-transform** **container** **text-center**

Khối chứa với chiều rộng cố định	
Nút có màu chủ đạo (màu xanh mặc định)	
Căn giữa nội dung văn bản	

LIVEWORKSHEETS